

Số: 4835 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tại xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung từ 140 giường bệnh lên 350 giường bệnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 366/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tại xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung từ 140 giường bệnh lên 350 giường bệnh) tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 23/9/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 392/BQLDA-MT ngày 16/11/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1177/Tr-STNMT ngày 27/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tại xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (nâng

cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung từ 140 giường bệnh lên 350 giường bệnh), với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.
3. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa
huyện Hà Trung tại xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung,
tỉnh Thanh Hóa (nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung
từ 140 giường bệnh lên 350 giường bệnh)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tại xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung từ 140 giường bệnh lên 350 giường bệnh).

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung

- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD huyện Hà Trung

- Người đại diện: Ông Nguyễn Công Khanh

- Chức vụ: Giám đốc

- Phương tiện liên lạc: 0379 488 873

- Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm và các công trình phụ trợ để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung, được thực hiện trên phần diện tích thuộc khuôn viên bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung và khu đất mở rộng thuộc địa phận hành chính thị trấn Hà Trung và xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 32.963 m², trong đó:

+ Diện tích hiện trạng của bệnh viện: 27.677,5m²

+ Diện tích khu đất mở rộng (Khu Nhà khám chữa bệnh trung tâm): 5.285,5 m².

+ Quy mô toàn bệnh viện: 350 giường bệnh, trong đó Khu Nhà khám chữa bệnh trung tâm là 130 giường bệnh.

Quy mô xây dựng các hạng mục công trình gồm: Xây dựng mới khu Nhà khám, chữa bệnh trung tâm, các công trình phụ trợ (nhà chứa rác, khu xử lý nước thải tập trung, bể nước ngầm, trạm biến áp....) và công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Các tác động môi trường chính khi bệnh viện đi vào hoạt động ổn định

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá nhân, từ hoạt động ăn uống có lưu lượng là 114,75 m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải từ nhà vệ sinh: 28,5 m³/ngày.đêm; nước tắm rửa, giặt giũ: 71,25 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 15m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- *Nước thải y tế*: Phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh từ các khoa phòng với lưu lượng 42,75 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: NH₄⁺; NO₃⁺; BOD₅; COD; TSS; Coliform;...

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn ngày lớn nhất 4.926,11 m³/ngày. thành phần chủ yếu: Các tạp chất, đất, cát.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải, mùi phát sinh từ các hoạt động: Các phương tiện ra vào bệnh viện; hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện, hoạt động nấu nướng, hoạt động của các hệ thống xử lý chất thải và hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần khí thải chủ yếu: Mùi, NO₂; SO₂; CO,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- *Chất thải rắn* phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Tổng chất thải rắn thông thường là: 498,75 kg/ngày.đêm, trong đó:

+ *Chất thải rắn sinh hoạt*: 448,875 kg/ngày.đêm phát sinh từ quá trình sinh hoạt của bệnh nhân, vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng (*bao gồm thức ăn thừa, vỏ rau quả, túi nilon,...*); phòng hành chính (*bao gồm giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim,...*).

+ *Chất thải y tế thông thường*: 49,875 kg/ngày.đêm, bao gồm: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa...

- *Bùn thải* từ hoạt động nạo vét hệ thống thu gom, xử lý nước thải: 172,4625m³/năm bao gồm: Bùn bể tự hoại, hồ ga, hệ thống xử lý nước thải tập trung...

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

Tổng khối lượng chất thải nguy hại khoảng 94,5kg/ngày đêm; trong đó:

- *Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm*: Có khối lượng 92,61kg/ngày.đêm, trong đó: *Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn*: 4,725 kg/ngày.đêm, bao gồm bơm kim tiêm, các ống tiêm, lưỡi dao mổ và các vật sắc nhọn khác sử dụng trong các loại hoạt động y tế.; *Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn* có khối lượng 85,05kg/ngày.đêm; bao gồm: Băng thấm máu, dịch sinh học, chất thải phát sinh từ các buồng bệnh cách ly, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phát sinh từ các phòng xét nghiệm (như: dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm), chất thải giải phẫu 2,835 kg/ngày.đêm gồm các mô cơ quan giải phẫu, bệnh phẩm phát sinh từ các phòng thủ thuật, phẫu thuật, nhau thai...

- *Chất thải nguy hại khác:* 1,89kg/ngày đêm gồm: Bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy, lọ đựng hóa chất gây độc tế bào, các lọ hóa chất nguy hại hết hạn....

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khi bệnh viện đi vào hoạt động ổn định

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

- Khu đất hiện trạng: Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên bệnh viện được thu gom bằng hệ thống mương rãnh thoát nước mưa B450 xung quanh các khu nhà, sân đường nội có tổng chiều dài $L = 1.165\text{m}$, nắp đậy bằng tấm đan bê tông. Trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 24 hố ga.

- Khu đất mở rộng: Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên khu vực nhà khám chữa bệnh được thu gom bằng hệ thống mương B400 xung quanh khu nhà, sân đường có tổng chiều dài $L = 213\text{m}$, nắp đậy bằng tấm đan bê tông. Trên hệ thống mương có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 8 hố ga.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải bệnh viện:*

- Khu vực hiện trạng:

+ Nước thải từ quá trình tắm rửa, vệ sinh phòng bệnh có lưu lượng $44,8\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom về các hố gas bố trí tại các khu nhà, sau đó theo đường ống nhựa PVC D200 (có chiều dài $L = 599\text{m}$) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

+ Nước thải khu vệ sinh có lưu lượng $17,92\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (số lượng 21 bể có tổng thể tích $V = 400\text{ m}^3$), sau đó theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

+ Nước thải nhà ăn có lưu lượng $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom qua song chắn rác về bể tách dầu mỡ có thể tích $V = 6,0\text{ m}^3$. Sau đó theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

+ Nước thải y tế có lưu lượng $26,88\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom riêng bằng đường ống D300 (có chiều dài 307m) về các hố gas (bố trí tại các khu nhà phát sinh nước thải y tế), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo công nghệ xử lý AAO kết hợp giá thể sinh học (MBBR) có công suất $150\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ sơ đồ xử lý như sau:

Nước thải → Bể tách rác → Bể điều hòa – ky khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể bùn hoạt tính → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Sông Chiêu Bạch.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra sông Chiêu Bạch phía Tây bệnh viện.

- Khu vực mở rộng (Khu Nhà khám chữa bệnh trung tâm):

+ Nước thải từ quá trình tắm rửa, vệ sinh phòng bệnh có lưu lượng 26,45m³/ngày.đêm được thu gom về các hố gas bố trí tại các khu nhà, sau đó theo đường ống nhựa PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải khu vệ sinh có lưu lượng 10,58 m³/ngày.đêm được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (Số lượng 04 bể có tổng thể tích V = 85 m³), sau đó theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải y tế có lưu lượng 15,87 m³/ngày.đêm được thu gom riêng bằng đường ống D200 dẫn về các hố gas (bố trí tại các khu nhà phát sinh nước thải y tế), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực mở rộng (khu Nhà khám chữa bệnh trung tâm) theo công nghệ xử lý AO kết hợp với giá thể sinh học MBBR có công suất 100 m³/ngày.đêm sơ đồ xử lý như sau:

Nước thải → Bể lắng cát → Bể Gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng → Sông Chiều Bạch.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra sông Chiều Bạch phía Tây bệnh viện.

3.2. Về bụi, khí thải

- Thường xuyên làm vệ sinh sạch sẽ khu vực bệnh viện. Riêng khu vực nhà ăn, nhà khám chữa bệnh, hội trường được lau bằng nước khử trùng để đảm bảo môi trường khám chữa bệnh.

- Lắp đặt hệ thống quạt và điều hòa tại các khoa phòng, đồng thời sử dụng biện pháp thông thoáng tự nhiên.

- Chăm sóc, tu bổ thường xuyên diện tích cây xanh trong khu vực bệnh viện.

- Đối với khu vực nhà bếp được ngăn cách với khu vực nhà ăn, phòng ăn; thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn sau khi sử dụng bằng nước rửa có mùi hương. Khu vực nhà bếp được hút khí thải bằng hệ thống chụp hút qua các hệ thống đường ống dẫn khí sau đó được thải ra ngoài. Sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, điện để đun nấu.

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực để hạn chế mùi phát sinh do nước tù đọng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

* *Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào 42 thùng đựng rác loại 10 lít/thùng bố trí tại khu vực văn phòng và 50 thùng 120 lít/thùng bố trí dọc theo hành lang từng tầng của các khu nhà; 80 thùng loại 30 lít bố trí tại khu vực nhà vệ sinh; 04 xe thùng loại 120 lít/thùng; 02 thùng loại 60 lít tại khu vực nhà ăn, 20 thùng loại 180 lít tại khu vực sân đường sau đó đưa về khu nhà tập kết rác thải của bệnh viện (phía Đông Bắc và Đông Nam) bằng 08 xe đẩy rác loại 0,5 m³/xe. Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với chất thải rắn tái chế: Thu gom vào 06 thùng Composite màu trắng 120 lít, 04 thùng Composite màu trắng 240 lít, 02 thùng Composite màu trắng 660 lít lưu giữ tại nhà chứa chất thải của bệnh viện. Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý thu gom, tái chế.

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:*

- Đối với chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Được thu gom vào các thùng màu vàng có dung tích 120 lít và loại dung tích 240 lít lưu giữ tại nhà chứa chất thải của bệnh viện. Bệnh viện hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc đưa đi xử lý theo cụm, tần suất thu gom: 03 lần/tuần (thứ 2, thứ 4, thứ 6).

- Đối với chất thải giải phẫu: Đối với các mô bệnh phẩm kích thước lớn, nhau thai: Được bệnh viện thu gom riêng, được khử khuẩn bằng dung dịch Cloramin B 1-2%, Javen 1-2% trong thời gian tối thiểu 30 phút và lưu trữ bằng tủ bảo ôn, sau đó đưa đi chôn lấp tại khu nghĩa trang trên địa bàn thị trấn Hà Trung.

- Đối với chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải nguy hại không lây nhiễm: Được thu gom vào các thùng màu vàng 120 lít, 240 lít lưu giữ tại nhà chứa chất thải của bệnh viện. Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khu vực lưu giữ chất thải: Có 02 khu nhà.

+ Nhà tập kết rác thải số 1 phía Đông Bắc bệnh viện (tập kết rác thải phát sinh tại khu vực hiện trạng): Có diện tích 33 m², có mái che, tường bao quanh và được chia thành 03 khu vực: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; Khu vực tập kết chất thải rắn tái chế và khu vực tập kết rác thải y tế nguy hại.

+ Nhà tập kết rác thải số 2 phía Đông Nam bệnh viện (tập kết rác thải phát sinh tại khu vực mở rộng): Có diện tích 29,15m², có mái che, tường bao quanh và được chia làm 03 khu vực: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; Khu vực tập kết chất thải rắn tái chế và khu vực tập kết rác thải y tế nguy hại.

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bùn cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường:* Đối với bùn cặn phát sinh từ công trình xử lý môi trường như bể tự hoại, hồ gas,... thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý định kỳ nạo hút vận chuyển xử lý.

4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng
I	Công trình xử lý bụi, khí thải	
1	Hệ thống các quạt hút	01 hệ thống
2	Hệ thống chụp hút mùi tại nhà bếp	01 hệ thống
II	Công trình xử lý nước thải	
1	Bể tự hoại 03 ngăn tổng thể tích 485 m ³	25 bể
2	Bể tách dầu mỡ 6m ³ /bê	01 bể
3	Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m ³	01 trạm
-	Bể tách rác 2,5m ³	01 bể
-	Bể điều hòa – kỵ khí 71,05m ³	01 bể
-	Bể thiếu khí 30m ³	01 bể
-	Bể hiếu khí 45m ³	01 bể
-	Bể bùn hoạt tính 25m ³	01 bể
-	Bể lắng 51,64m ³	01 bể
-	Bể khử trùng 12,75m ³	01 bể
-	Bể bùn 45,75m ³	01 bể
4	Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100 m ³	01 trạm
-	Bể lắng cát 9,12m ³	01 bể
-	Bể gom 22,8m ³	01 bể
-	Bể tách dầu mỡ 28,88 m ³	01 bể
-	Bể điều hòa 2,88m ³	01 bể
-	Bể chứa bùn 15,96m ³	01 bể
-	Bể Anoxic 20,15 m ³	01 bể
-	Bể Aroten 31 m ³	01 bể
-	Bể lắng vi sinh 19,375 m ³	01 bể
-	Bể khử trùng 4,65 m ³	01 bể
-	Bể chứa bùn 15,96m ³	01 bể
III	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ CTR	
1	Phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt	
	Thùng composite màu xanh 10 lít	42 cái
	Thùng composite màu xanh 30 lít	80 cái
	Thùng composite màu xanh 60 lít	02 cái
	Thùng Composite màu xanh 120 lít	50 cái
	Thùng composite màu xanh 20 lít	50 cái
	Thùng Composite màu xanh 120 lít	04 cái
	Thùng Composite màu xanh 180 lít	20 cái
	Xe thu gom rác bằng tôn 0,5 m ³	8 xe
2	Phương tiện thu gom chất thải rắn tái chế	
	Thùng Composite màu trắng 120 lít	6 cái
	Thùng Composite màu trắng 240 lít	4 cái
	Thùng Composite màu trắng 660 lít	2 cái
3	Phương tiện thu gom chất thải rắn nguy hại	
	Thùng Composite màu vàng 120 lít	8 cái

	Thùng Composite màu vàng 240 lít	2 cái
	Tủ bảo ôn	01 tủ
IV	Công trình lưu giữ và xử lý	
	Nhà tập kết rác thải số 1 diện tích 33 m ²	01 nhà
	Nhà tập kết rác thải số 2 diện tích 29,15m ²	01 nhà

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Tần suất giám sát: 01 lần/03 tháng

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, tiếng ồn, Bụi, SO₂, CO, NO₂, NH₃, H₂S.

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí

+ K1: Quan trắc tại khu vực tập kết xử lý chất thải số 01 của bệnh viện,

+ K2: Quan trắc tại khu vực tập kết xử lý chất thải số 02 của bệnh viện.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 02-2019/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03-2019/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.

b. Giám sát chất lượng môi trường nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, Coliform, Shigella, Samonela, Vibrio Chlorea.

- Vị trí Quan trắc.

+ NT1: Quan trắc mẫu nước thải sau khi xử lý tại hệ thống XLNT tập trung công suất 150m³/ngày.đêm (trạm 1)

+ NT2: Quan trắc mẫu nước thải sau khi xử lý tại hệ thống XLNT tập trung công suất 100m³/ngày.đêm (trạm 2)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - Cột B: Thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

c. Giám sát theo dõi chất thải:

- Các vấn đề giám sát:

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải rắn;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng từng loại chất thải rắn;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê các loại hóa chất sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường.

- Vị trí giám sát:

+ Tại các khoa, phòng của bệnh viện;

- + Tại khu vực tập kết chất thải rắn;
- + Tại khu vực xử lý nước thải tập trung của bệnh viện./.